

Số: 219/2025/QĐST-VLĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Kim Hoa.

Thư ký phiên họp: Ông Trần Hồng Sơn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động thụ lý số: 323/2025/TLST-VLĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 183/2025/QĐST-VLĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1985; thường trú: Thôn C, xã T, tỉnh Hà Tĩnh; tạm trú: Tổ A, đường N, khu phố Đ, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty cổ phần Đ; địa chỉ: Số E, xa lộ X, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1967; địa chỉ: Số G đường số A, phường L, Thành phố H, là người đại diện theo uỷ quyền. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt;

2. Bảo hiểm xã hội cơ sở D, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: đường T, T, khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T, chức vụ: Nhân viên; là người đại diện theo uỷ quyền. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- *Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết ông Nguyễn Thanh H trình bày:* Từ tháng 3/2009 đến tháng 10/2014, ông H ký kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH Q, đến tháng 11/2014 chuyển sang làm Công ty TNHH C đến tháng 5/2024 thì nghỉ việc. Quá trình làm việc, đều được cả hai

Công ty tham gia bảo hiểm xã hội số: 7909014739. Sau khi nghỉ việc, ông đến cơ quan B để làm thủ tục hưởng bảo hiểm xã hội thì được thông báo bị trùng BHXH trong thời gian từ tháng 8/2010 đến tháng 8/2010 và Công ty T1 với mã số: 7410251040 cho ông là Công ty cổ phần Đ. Tuy nhiên, thực tế trong khoảng thời gian trên, tôi đang làm việc tại Công ty TNHH Q và Công ty TNHH C, ông không giao kết hợp đồng với Công ty Đ, không cho ai mượn thông tin cá nhân và cũng không biết ai sử dụng thông tin của mình để giao kết hợp đồng trái pháp luật. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Thanh H với Công ty cổ phần Đ là vô hiệu. Ông Nguyễn Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

- *Người đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần Đ trình bày:* Theo dữ liệu còn lưu trữ trên máy tính của Công ty thì từ vào tháng 8/2010 Công ty có ký hợp đồng lao động với ông Nguyễn Thanh H, sinh ngày 06/3/1985 (số CMND: 183407122) và tham gia đóng các chế độ bảo hiểm theo quy định. Ông H làm việc đến tháng 9/2010 thì nghỉ việc cho đến nay, Công ty đã giải quyết chế độ và chốt sổ bảo hiểm theo quy định. Việc người lao động cho rằng người khác sử dụng thông tin để ký hợp đồng lao động với Công ty là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động, do đó việc ông H yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Thanh H với Công ty Cổ phần Đ thì Công ty đồng ý. Về hồ sơ liên quan đến ông H, do thời gian người lao động nghỉ việc quá lâu nên Công ty không còn lưu trữ hồ sơ để cung cấp cho Tòa án

- *Ông Dương Văn T là người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội cơ sở D (viết tắt là BHXH) trình bày:* Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty Cổ phần Đ cho người lao động thì Công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1985, số CCCD 042085003253, với mã số BHXH 7410251040 từ tháng 8/2010 đến tháng 8/2010, đã chốt sổ và chưa nhận trợ cấp BHXH một lần. Ngoài ra, ông H còn có mã BHXH số 7909014739 tham gia BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 01/2010 đến tháng 10/2014 tại Công ty TNHH Q. Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa ông Nguyễn Thanh H với Công ty Cổ phần Đ, đề nghị Tòa án nhân dân căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của ông H, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này. Về các yêu cầu khác của ông H phía Bảo hiểm xã hội không có ý kiến.

- *Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:* Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của Ông Nguyễn Thanh H là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Trong thời gian từ tháng 8/2010 đến tháng 8/2010, người lao động tên Nguyễn Thanh H giao kết hợp đồng lao động với Công ty cổ phần Đ và được Công ty

T1, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7410251040. Tuy nhiên, ông H xác định ông không cho ai mượn thông tin cá nhân để giao kết hợp đồng với Công ty cổ phần Đ và cũng không biết ai sử dụng thông tin cá nhân của mình để ký hợp đồng lao động với Công ty cổ phần Đ.

[2.2] Xét thấy, lời khai của ông H phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm cơ sở D. Bởi lẽ, trong khoảng thời gian từ tháng 01/2010 đến tháng 10/2014, ông H đang làm việc tại Công ty TNHH Q và Công ty TNHH C được Công ty Q và Công ty C tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số 7909014739. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty cổ phần Đ trong khoảng thời gian từ tháng 8/2010 đến tháng 8/2010 không phải là ông Nguyễn Thanh H.

Theo Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006 và 2007; khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: *“Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực”*. Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: *“Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu”* và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: *“Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu”*. Theo quy định về hợp đồng lao động vô hiệu tại điểm b khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: *“Người ký kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền”* và điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: *“Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này”*. Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ L thì: *“...Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...”*.

Do đó, có cơ sở xác định việc người sử dụng hồ sơ cá nhân của ông H để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ BHXH số 7410251040 từ tháng 8/2010 đến tháng 8/2010 tại Công ty cổ phần Đ là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thanh H về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Thanh H với Công ty cổ phần Đ theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410251040 bị vô hiệu.

[2.4] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: *“... Tòa án*

phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu", chấp nhận yêu cầu của ông H không yêu cầu Toà án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu. Về việc xác định người lao động tại Công ty cổ phần Đ trong giai đoạn từ tháng 8/2010 đến tháng 8/2010 không phải là ông Nguyễn Thanh H và ông H có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7909014739.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Ông Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 15, 16, 49 của Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006 và 2007;

- Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của Ông Nguyễn Thanh H.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Thanh H với Công ty cổ phần Đ (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410251040) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410251040 không phải là ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1985, giới tính: Nam, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 042085003253. Ông Nguyễn Thanh H được quyền liên hệ với C1 có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7909014739.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Ông Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0019582 ngày 25/9/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16 - TP. Hồ Chí Minh;
- THA DS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Thị Kim Hoa